|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI,**  **ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ** | **KÌ THI CHỌN HSG DUYÊN HẢI VÀ**  **ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **ĐỀ ĐỀ XUẤT MÔN ĐỊA LÍ - LỚP 10**  ***Thời gian làm bài: 180 phút*** *(Không kể thời gian giao đề)*  *Đề thi gồm 5 câu; 01 trang* |

**Câu I.** (***4,00 điểm***)

**1. Trái Đất, thạch quyển (NB 0,5 – VDC 1,5):** Trình bày nguyên nhân sinh mùa. Phân tích tác động của hiện tượng mùa đến nhiệt độ không khí trên Trái Đất.

**2. Thổ nhưỡng, sinh quyển (TH 1,0 – VD 1,0):** Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố có vai trò quyết định đến thành phần của đất. Tại sao đất vùng nhiệt đới thường có màu đỏ vàng, tầng đất dày nhưng tầng mùn mỏng?

**Câu II. (*4,00 điểm*)**

**1. Các quy luật địa lí (TH 1,0 – VD 1,0):** Chứng minh rằng quy luật địa đới là quy luật phổ biến và quan trọng nhất của lớp vỏ địa lí. Tại sao sự phân bố các vành đai đất, sinh vật theo độ cao và vĩ độ không giống nhau?

**2. Thủy quyển (NB 1,0 – TH 1,0):** Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trên Trái Đất. Phân tích ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu và sinh vật những vùng ven biển mà chúng đi qua.

**Câu III. *(4,00 điểm)***

**1. Lí thuyết chung (NB 1,0 – TH 1,0):** Trình bày sự phân bố mưa trên Trái Đất. Phân tích ảnh hưởng của địa hình và gió đến lượng mưa.

**2. Nâng cao + Biến đổi KH (VD 1,0 – VDC 1,0):** Phân tích tác động của phân bố vòng đai nhiệt đến sự phân bố vành đai khí áp. Tại sao hiện nay “tị nạn khí hậu” là vấn đề cần quan tâm của tất cả các nước trên thế giới?

**Câu IV. *(3,00 điểm)***

**1. Dân cư đại cương (TH 1,0 – VD 1,0):** Phân tích các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. Tại sao hiện nay gia tăng tự nhiên trên thế giới có xu hướng giảm?

**2. Chuyên đề Đô thị hóa. (TH 1,0):** So sánh sự khác nhau về đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển và đang phát triển.

**Câu V. *(5,0 điểm)***

**1. Nguồn lực phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế (TH 1,0 – VD 1,0):** Chứng minh nguồn lực là động lực chính cho sự phát triển kinh tế mỗi nước. Vì sao đối với các nước đang phát triển, việc sử dụng nguồn lực bên ngoài quan trọng nhưng cần thận trọng?

**2. Bảng số liệu các ngành (VD 2,0 – VDC 1,0):** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1990-2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Sản phẩm** | 1990 | 2000 | 2010 | 2020 |
| Dầu mỏ *(triệu tấn)* | 3157,9 | 3598,3 | 3978,6 | 4165,1 |
| Điện *(tỉ kWh)* | 11890,0 | 15109,0 | 21073,0 | 25865,3 |

a. Nhận xét và giải thích về tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện thế giới giai đoạn trên.

b. Chiến tranh giữa Nga và Ukraina ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất dầu mỏ trên thế giới?

------------- **Hết** -------------

***Ghi chú: Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam để làm bài.***

*Người làm đề: Trần Thị Liên Hương – 0912.555.323*

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM**

| **Câu** | **Ý** | **Đáp án và hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I**  **(4đ)** | **1** | ***Trình bày nguyên nhân sinh mùa. Phân tích tác động của hiện tượng mùa đến nhiệt độ không khí trên Trái Đất.*** | ***2,00*** |
| *\* Nguyên nhân sinh ra mùa:*  - Khi chuyển động xung quanh Mặt Trời trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương nên có lúc bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có lúc bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời.  - Do thời gian chiếu sáng và lượng nhiệt thu nhận được ở mỗi bán cầu có sự thay đổi trong năm nên đã sinh ra các mùa.  *\* Tác động của hiện tượng mùa đến nhiệt độ không khí trên Trái Đất:*  - Tác động đến nhiệt độ không khí theo thời gian:  + Mùa xuân: bức xạ Mặt Trời tăng dần, mặt đất bắt đầu tích nhiệt => nhiệt độ tăng dần, ấm áp.  + Mùa hạ: bức xạ Mặt Trời cao, mặt đất tích lượng nhiệt lớn => là thời gian nhiệt độ cao nhất trong năm.  + Mùa thu: bức xạ Mặt Trời giảm dần, mặt đất tỏa nhiệt => nhiệt độ giảm dần, mát mẻ.  + Mùa đông: bức xạ Mặt Trời nhỏ nhất trong năm, mặt đất đã tỏa hết nhiệt được tích lũy  => là thời gian nhiệt độ thấp nhất trong năm.  - Tạo ra sự khác biệt về nhiệt độ của 2 bán cầu: thời gian các mùa của Bắc bán cầu và Nam bán cầu trái ngược nhau, làm cho thời gian mùa nóng, lạnh của 2 bán cầu trái ngược nhau.  - Ảnh hưởng khác: ở VĐ ôn đới một năm có 4 mùa rõ rệt nên nhiệt độ thay đổi rõ rệt theo 4 mùa; ở vùng VĐ thấp 4 mùa không rõ rệt nên biên độ nhiệt thấp, sự thay đổi nhiệt độ giữa các mùa không rõ; độ dài ngắn các mùa cũng ảnh hưởng đến số ngày nhiệt độ cao, thấp... | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố có vai trò quyết định đến thành phần của đất. Tại sao đất vùng nhiệt đới thường có màu đỏ vàng, tầng đất dày nhưng tầng mùn mỏng?*** | ***2,00*** |
| *\* Nhân tố có vai trò quyết định đến thành phần của đất:* đá mẹ và sinh vật *(diễn giải nguyên nhân: đất gồm thành phần vô cơ và hữu cơ. Nhân tố quyết định đến thành phần vô cơ là đá mẹ; nhân tố quyết định đến thành phần hữu cơ là sinh vật.)*  *\* Ảnh hưởng của đá mẹ và sinh vật:*  - Đá mẹ: là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, do đó quyết định thành phần khoáng vật, thành phần cơ giới và ảnh hưởng trực tiếp tới các tính chất lí, hóa của đất *(dẫn chứng).*  - Sinh vật:  + Thực vật cung cấp xác vật chất hữu cơ, rễ thực vật bám vào các khe nứt của đá làm phá hủy đá *(dẫn chứng).*  + Vi sinh vật phân giải xác vật chất hữu cơ và tổng hợp thành mùn. Động vật sống trong đất có vai trò cải tạo đất *(dẫn chứng).*  *(Thí sinh không diễn giải, dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Đất vùng nhiệt đới thường có màu đỏ vàng, tầng đất dày nhưng tầng mùn mỏng do:*  - Vùng nhiệt đới thường có nhiệt độ cao, mưa nhiều, độ ẩm lớn, sinh vật phong phú, đa dạng.  - Đất màu đỏ vàng: Do diễn ra phổ biến quá trình feralit: Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, mưa làm rửa trôi các chất bazơ dễ tan, đồng thời tích tụ ô xít sắt, nhôm tạo ra màu đỏ vàng cho đất.  - Tầng đất dày do quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ, phân giải chất hữu cơ diễn ra nhanh.  - Tầng mùn mỏng do quá trình phân giải chất hữu cơ nhanh; đồng thời xói mòn, rửa trôi tầng mùn trên bề mặt đất, đất không tích tụ được mùn. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **II**  **(4đ)**  **II**  **(4đ)** | **1** | ***Chứng minh rằng quy luật địa đới là quy luật phổ biến và quan trọng nhất của lớp vỏ địa lí. Tại sao sự phân bố các vành đai đất, sinh vật theo độ cao và vĩ độ không giống nhau?*** | ***2,00*** |
| \*Chứng minh quy luật địa đới là quy luật phổ biến và quan trọng nhất của lớp vỏ địa lí:  - Quy luật phổ biến:  + Các thành phần tự nhiên, lãnh thổ bất kì của lớp vỏ địa lí đều có biểu hiện của quy luật địa đới: nhiệt độ, mưa, sinh vật, đất,... *(dẫn chứng).*  + Nguyên nhân sinh ra quy luật này là do lượng bức xạ mặt trời thay đổi từ xích đạo đến 2 cực.  - Quy luật quan trọng nhất:  + Chi phối sâu sắc đến các hiện tượng tự nhiên, là cơ sở để giải thích phần lớn các hiện tượng và phát hiện các quy luật khác *(dẫn chứng).*  + Có ý nghĩa thực tiễn lớn: ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của con người *(dẫn chứng)*  *(Thí sinh không dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Sự phân bố các vành đai đất, sinh vật theo độ cao và vĩ độ không giống nhau vì:*  - Nguyên nhân thay đổi các vành đai đất và sinh vật chủ yếu là do sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm.  - Sự thay đổi nhiệt và ẩm theo vĩ độ chủ yếu do sự thay đổi bức xạ sóng ngắn của Mặt Trời theo vĩ độ, liên quan đến góc nhập xạ => vành đai đất và sinh vật thay đổi chậm, khá đồng nhất trên Trái Đất.  - Sự thay đổi nhiệt và ẩm theo độ cao chủ yếu do sự thay đổi bức xạ sóng dài của mặt đất  => vành đai đất và sinh vật thay đổi nhanh hơn.  - Ngoài ra: theo độ cao còn chịu ảnh hưởng của các dạng địa hình cụ thể, cấu trúc địa hình, hướng sườn => sự phân bố vành đai đất và sinh vật đa dạng hơn, hay thay đổi hơn, bị phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố địa phương. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Trình bày quy luật hoạt động của dòng biển trên Trái Đất. Phân tích ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu và sinh vật những vùng ven biển mà chúng đi qua.*** | ***2,00*** |
| *\* Quy luật hoạt động của dòng biển:*  - Chuyển động của các dòng biển tạo thành những vòng tuần hoàn trên các đại dương và biểu hiện rõ rệt trong khoảng vĩ độ nhiệt đới, ôn đới ở 2 bán cầu.  - Hai bên xích đạo, các dòng biển chảy từ phía đông về phía tây, khi gặp bờ đông các lục địa, bị chuyển hướng về phía bắc (ở bán cầu Bắc), phía nam (ở bán cầu Nam) và tạo thành các dòng biển nóng trên cả hai bán cầu.  - Ở khoảng vĩ độ 30 – 40 độ trên cả 2 bán cầu, các dòng biển chảy về phía đông, khi gặp bờ tây các lục địa, đổi hướng về phía nam (ở bán cầu Bắc), phía bắc (ở bán cầu Nam) và tạo thành dòng biển lạnh ở khu vực xích đạo.  - Trên các vùng vĩ độ cao của bán cầu Bắc, các dòng biển chuyển động rất phức tạp do phụ thuộc vào nhiều nhân tố, đặc biệt là hình thái địa hình bờ biển. Ở vùng vĩ độ cao của bán cầu Nam, dòng biển có hướng ổn định từ tây sang đông.  *\* Ảnh hưởng của dòng biển đến khí hậu và sinh vật vùng ven biển:*  - Ở những nơi dòng biển nóng đi qua, nhiệt độ nước cao, nước biển dễ bay hơi, tạo mây, gây mưa cho khu vực ven bờ => khí hậu ẩm, mưa nhiều *(dẫn chứng).*  - Ở những nơi dòng biển lạnh đi qua, nhiệt độ nước biển thấp, nước không bay hơi được, không tạo mây, gây mưa được => khí hậu ít mưa, khô hạn *(dẫn chứng).*  - Tại những nơi có dòng biển đổi chiều theo mùa, khí hậu có sự thay đổi theo mùa; những nơi giao tranh của các dòng biển thường có nhiễu động về thời tiết *(dẫn chứng).*  - Nơi giao nhau của dòng biển nóng và dòng biển lạnh, thường có sinh vật rất phong phú, đa dạng *(dẫn chứng).*  *(Thí sinh nêu được ít nhất 2 dẫn chứng; thí sinh không dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)* | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **III**  **(4đ)** | **1** | ***Trình bày sự phân bố mưa trên Trái Đất. Phân tích ảnh hưởng của địa hình và gió đến lượng mưa.*** | ***2,00*** |
| *\* Phân bố mưa trên Trái Đất:*  *-* Lượng mưa trên thế giới phân bố không đều theo vĩ độ:  + Ở xích đạo, mưa nhiều nhất; ở hai vùng ôn đới mưa nhiều.  + Ở hai vùng chí tuyến mưa tương đối ít; càng về gần cực, mưa càng ít.  - Lượng mưa khác nhau theo khu vực:  + Mưa không giống nhau giữa các khu vực theo chiều từ tây sang đông chủ yếu do ảnh hưởng của dòng biển, vị trí gần hay xa đại dương.  + Mưa còn khác nhau theo độ cao, dạng địa hình lòng chảo, vị trí đón gió hay khuất gió…  *\* Phân tích ảnh hưởng của địa hình và gió đến lượng mưa.*  - Địa hình:  + Độ cao: càng lên cao lượng mưa càng tăng do nhiệt độ giảm, hơi nước dễ ngưng tụ. Tuy nhiên đến một độ cao nào đó, hơi nước trong không khí giảm, mưa ít.  + Hướng sườn: sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít.  *(dẫn chứng ảnh hưởng của địa hình)*  - Gió:  + Gió mang hơi nước từ đại dương vào lục địa, càng vào sâu trong lục địa, lượng mưa càng ít.  + Tính chất gió: nơi ảnh hưởng của gió khô (gió Tín phong, gió phơn...) lượng mưa ít. Nơi có gió ẩm thổi (gió mùa, gió Tây ôn đới...) thường có mưa nhiều.  *(dẫn chứng ảnh hưởng của gió)*  *(Thí sinh không dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)* | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Phân tích tác động của phân bố vòng đai nhiệt đến sự phân bố vành đai khí áp. Tại sao hiện nay “tị nạn khí hậu” là vấn đề cần quan tâm của tất cả các nước trên thế giới?*** | ***2,00*** |
| *\* Phân tích tác động của phân bố vòng đai nhiệt đến sự phân bố vành đai khí áp:*  - Sự phân bố các vòng đại nhiệt là nguyên nhân hình thành các vành đai khí áp  + Là nguyên nhân trực tiếp hình thành các đai áp do nhiệt lực:   * Áp thấp XĐ *(diễn giải)* * Áp cao cực *(diễn giải)*   + Là nguyên nhân gián tiếp tạo nên áp cao cận nhiệt và áp thấp ôn đới *(diễn giải).*  - Ranh giới các vòng đai nhiệt không hoàn toàn trùng với các đường vĩ tuyến, đồng thời thay đổi theo mùa làm cho các vành đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành các trung tâm khí áp riêng biệt và có sự dịch chuyển theo mùa.  *(Thí sinh không diễn giải chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Tị nạn khí hậu là vấn đề cần quan tâm của tất cả các nước trên thế giới:*  - Tị nạn khí hậu là hiện tượng những người buộc phải di cư khỏi khu vực họ đang sinh sống do những thay đổi của khí hậu.  - Hiện nay tị nạn khí hậu cần được quan tâm của tất cả các nước trên thế giới do:  + Số lượng người tị nạn khí hậu tăng nhanh, nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu toàn cầu, nên hiện tượng này có khả năng xảy ra ở tất cả các nước trên thế giới.  + Tị nạn khí hậu có nhiều ảnh hưởng tiêu cực trên phạm vi rộng lớn: mất nhà, mất đất, tệ nạn xã hội, thiệt hại kinh tế, dịch bệnh; ảnh hưởng đến cả an ninh và hòa bình quốc gia, khu vực.  + Là vấn đề phức tạp nên để giải quyết cần có sự chung tay, góp sức của tất cả các nước trên thế giới. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **IV**  **(3đ)** | **1** | ***Phân tích các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. Tại sao hiện nay gia tăng tự nhiên trên thế giới có xu hướng giảm?*** | ***2,00*** |
| *\* Phân tích các nhân tố tác động đến gia tăng dân số:*  - Nhân tố tự nhiên tác động đến mức sinh và mức tử *(diễn giải, dẫn chứng).*  - Trình độ phát triển kinh tế tác động đến mức sinh và gia tăng dân số *(diễn giải, dẫn chứng).*  - Chính sách dân số tác động tới mức sinh và gia tăng dân số *(diễn giải, dẫn chứng).*  - Các nhân tố khác: điều kiện tự nhiên, môi trường sống, phong tục tập quán, y tế, giáo dục... cũng tác động đến gia tăng dân số *(dẫn chứng)*  *(Thí sinh không diễn giải, dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Gia tăng tự nhiên trên thế giới có xu hướng giảm do:*  - Ở các nước đang phát triển:  + Tỉ suất sinh giảm do kinh tế phát triển, nhận thức được nâng cao, các chính sách dân số làm giảm tỉ suất sinh...  + Tỉ suất tử ổn định do y tế phát triển, chất lượng cuộc sống nâng cao...  - Các nước phát triển:  + Tỉ suất sinh nhỏ, nhiều nước xu hướng giảm do: tâm lí không thích sinh con, kết hôn muộn, số người trong độ tuổi sinh đẻ ít...  + Tỉ suất tử tăng do cơ cấu dân số già. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***So sánh sự khác nhau về đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển và đang phát triển.*** | ***1,00*** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chí | Nhóm nước phát triển | Nhóm nước đang phát triển | | Quá trình | Diễn ra sớm, gắn với CNH | Diễn ra muộn, gắn với bùng nổ dân số và CNH. | | Dân thành thị | Số dân thành thị tăng nhưng tốc độ tăng giảm. Tỉ lệ dân thành thị cao, khác nhau ở các nước, khu vực. | Số dân thành thị tăng nhanh, tốc độ tăng dân thành thị cao. Tỉ lệ dân thành thị chênh lệch lớn giữa các nước, châu lục. | | Đô thị | Quy mô đô thị cực lớn được đẩy mạnh phát triển. | Số lượng đô thị và quy mô đô thị tăng nhanh. | | Lối sống thành thị | Đô thị có tầm ảnh hưởng lớn, lối sống thành thị diễn ra phổ biến. | Đô thị có vai trò quan trọng, lối sống thành thị ngày càng phổ biến. | | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **V**  **(5đ)** | **1** | ***Chứng minh nguồn lực là động lực chính cho sự phát triển kinh tế mỗi nước. Vì sao đối với các nước đang phát triển, việc sử dụng nguồn lực bên ngoài quan trọng nhưng cần thận trọng?*** | ***2,00*** |
| *\* Nguồn lực đóng vai trò là động lực chính cho sự phát triển kinh tế mỗi nước:*  - VTĐL có vai trò quan trọng trong giao lưu, hợp tác, phát triển kinh tế,.... giữa các nước *(dẫn chứng).*  - Nguồn lực tự nhiên tạo điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất, góp phần tích lũy vốn, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế *(dẫn chứng).*  - Nguồn lực kinh tế - xã hội có vai trò quyết định đối với phát triển kinh tế:  + Nguồn lao động: là nguồn lực quan trọng nhất, quyết định việc tổ chức sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác *(dẫn chứng).*  + Vốn và khoa học công nghệ: cơ sở để mở rộng sản xuất, tăng năng suất, hiệu quả, tăng tích lũy *(dẫn chứng).*  *(Thí sinh không dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Đối với các nước đang phát triển, việc sử dụng nguồn lực bên ngoài quan trọng nhưng cần thận trọng vì:*  - Quan trọng vì:  + Các nước đang phát triển: xuất phát điểm thấp, nền kinh tế chưa phát triển; nhưng có nhiều nguồn lực (khoáng sản, lao động, nguyên liệu...)  + Để phát triển kinh tế cần tiến hành công nghiệp hóa nhưng thiếu vốn, khoa học công nghệ, lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng…  + Việc tận dụng nguồn lực bên ngoài, kết hợp với nguồn lực trong nước góp phần bổ sung những nguồn lực còn thiếu, khai thác nguồn lực sẵn có một cách hiệu quả, khắc phục những khó khăn trong nội tại, đẩy nhanh tốc độ CNH-HĐH.  - Cần thận trọng vì: việc sử dụng nguồn lực bên ngoài tiềm ẩn nhiều rủi ro: thất thoát tài nguyên, ô nhiễm môi trường, phụ thuộc... | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Nhận xét và giải thích về tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện thế giới giai đoạn trên. Chiến tranh giữa Nga và Ukraina ảnh hưởng như thế nào đến sản xuất dầu mỏ trên thế giới?*** | ***3,00*** |
| *\* Nhận xét:*  - Bảng số liệu:  **Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện thế giới giai đoạn 1990 – 2020 (%)**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Sản phẩm** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** | | Dầu mỏ | 100,00 | 113,95 | 125,99 | 131,89 | | Điện | 100,00 | 127,07 | 177,23 | 217,54 |   - Nhìn chung giai đoạn 1990 – 2020, sản lượng dầu mỏ và điện thế giới đều có xu hướng tăng. Điện có tốc độ tăng nhanh hơn dầu mỏ *(dẫn chứng).*  - Tốc độ tăng dầu mỏ và điện khác nhau theo giai đoạn:  + Dầu mỏ: tăng nhanh nhất giai đoạn 1990 – 2000, giai đoạn 2010 – 2020 tốc độ tăng chậm nhất *(dẫn chứng).*  + Điện: tăng nhanh nhất giai đoạn 2000 – 2010, giai đoạn 2010 – 2020 tốc độ tăng có chậm hơn *(dẫn chứng).*  *(Thí sinh không dẫn chứng chỉ cho tối đa 0,5 điểm)*  *\* Giải thích:*  - Sản lượng dầu mỏ và điện tăng do nhu cầu sử dụng các sản phẩm này ngày càng tăng, điện tăng nhanh hơn do nguồn nhiên liệu phong phú, kinh tế phát triển nên nhu cầu sử dụng điện tăng nhanh.  - Dầu mỏ: giai đoạn 1990 – 2000 tăng nhanh nhất do nhu cầu sử dụng lớn, là nguồn nguyên, nhiên liệu chủ yếu cho công nghiệp thế giới; giai đoạn sau tăng chậm lại là do có nhiều nguồn nhiên liệu thay thế, xu hướng giảm nhiên liệu hóa thạch, tăng nhiên liệu có khả năng tái tạo.  - Điện: giai đoạn 2000 – 2010 tăng nhanh nhất do nhu cầu sử dụng điện tăng nhanh, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa tại các nước đang phát triển và công nghiệp công nghệ cao tại các nước phát triển.  - Giai đoạn 2010 – 2020 cả tốc độ tăng sản lượng dầu mỏ và điện đều giảm do ảnh hưởng của covid 19, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, nền kinh tế nhiều nước bị suy thoái...  *\* Chiến tranh giữa Nga và Ukraina ảnh hưởng đến sản xuất dầu mỏ trên thế giới:*  - Khái quát: Chiến tranh giữa Nga và Ukraina chính thức bắt đầu từ 24/2/2022 và chưa có dấu hiệu dừng lại. Nga là quốc gia sản xuất dầu lớn trên thế giới, Ukraina có sự hậu thuẫn của các nước phương Tây- thị trường tiêu thụ dầu mỏ lớn trên thế giới...=> ảnh hưởng lớn đến sản xuất dầu mỏ thế giới.  - Ảnh hưởng:  + Giá dầu trên thế giới tăng mạnh.  + Thị trường xuất nhập khẩu dầu mỏ thay đổi: Nga ngừng cung cấp dầu cho EU, EU thiếu năng lượng, nguồn cung cấp dầu thế giới bị xáo trộn. Nga chuyển sang xuất khẩu dầu cho Trung Quốc, Ấn Độ; châu Âu chuyển hướng nhập khẩu dầu mỏ từ châu Phi...  + Ảnh hưởng khác: vị thế các quốc gia trên thị trường dầu mỏ thay đổi; nhiều quốc gia chủ động sử dụng nguồn dầu mỏ trong nước, hạn chế nhập khẩu; xu hướng sử dụng nguồn năng lượng thay thế đặt ra thách thức với ngành sản xuất dầu mỏ trong tương lai.. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 5 CÂU** | | | **20,00** |

------------ **Hết** -----------